

Bản án số: 172/2021/HC-PT
Ngày: 08 - 4 - 2021
V/v khiếu kiện quyết định hành chính và
hành vi hành chính về quản lý đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Công Mười

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Văn

Ông Hoàng Minh Thịnh

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Quốc Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Võ Phong Lưu - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 490/2020/TLPT-HC ngày 02 tháng 10 năm 2020 về “Khiếu kiện quyết định hành chính và hành vi hành chính về quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 25/2020/HC-ST ngày 25 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 408/2021/QĐ-PT ngày 19 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. **Người khởi kiện:** Ông Nguyễn Hiếu Tr, sinh năm 1969; Địa chỉ: Đường B, phường R, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Vương C, sinh năm 1965; Địa chỉ: Đường P, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt)

2. Người bị kiện:

2.1. Ủy ban nhân dân thành phố V;

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn L - Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Đường L, Phường 1, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp: Bà Hoàng Thị Thanh Ng – Phòng Tài nguyên – Môi trường TP. V (có mặt)

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Trần Thị Thùy L, sinh năm 1978; Địa chỉ: Đường B, phường R, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt)

4. **Người kháng cáo:** Do có kháng cáo của người bị kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:*

Ngày 07-4-2017 Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố V ban hành Quyết định số 1687/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn Hiếu Tr, thuộc công trình Cải tạo, nâng cấp đường 30/4, thành phố V (*Quyết định số 1687*), có nội dung: Thu hồi diện tích 76m², nhưng không bồi thường, hỗ trợ đất do “*đã thu hồi và bồi thường khu phố chợ và Quốc lộ 51B (nay là đường B)* không bồi thường, hỗ trợ toàn bộ nhà, vật kiến trúc trên đất do “*xây dựng trên phân đất Nhà nước quản lý*”.

Không đồng ý với nội dung Quyết định số 1687 ông Tr khiếu nại yêu cầu Chủ tịch UBND thành phố V giải quyết.

Ngày 23-01-2017, Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định số 350/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Nguyễn Hiếu Tr (*Quyết định số 350*) có nội dung: Bác toàn bộ nội dung khiếu nại của ông Nguyễn Hiếu Tr và giữ nguyên Quyết định số 1687.

Việc UBND thành phố V thu hồi 76m² và không bồi thường, hỗ trợ đất, công trình, vật kiến trúc có trên đất là không đúng.

- *Về diện tích thu hồi:*

+ Căn cứ Lược đồ vị trí thửa đất ký ngày 15-01-1971 của Ty Địa địa V, thể hiện diện tích sử dụng của ông Nguyễn Văn Ngh (ông Ngh là cha của ông Tr) là 5 Mẫu, 46 Sào, 72 Thước vuông. Vị trí, diện tích đất là sát mép đường quốc lộ 51, nay là đường 30/4.

+ Căn cứ bản đồ địa chính phường 10, lập năm 1993 (Tờ bản đồ số: 8, Thửa số: 01) thì diện tích đất ông Tr cũng có vị trí sát mép quốc lộ 51, nay là Đường 30/4 và sát mép đường 51B, nay là đường B.

+ Căn cứ sơ đồ vị trí các thửa đất khi ông Ngh lập thủ tục chuyển quyền cho các con (xác lập ngày 25-12-1989) thì Sở Thủy sản Nông nghiệp trừ lộ giới quốc lộ 51A, 51B khoảng 10m.

+ Căn cứ hồ sơ giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Tr thì thấy:

Thanh tra thành phố V đã tiến hành đo vẽ, khảo sát thực tế việc sử dụng đất của hộ ông Tr, so sánh (lồng gép) diện tích thực tế sử dụng với họa đồ lập năm 1971, với bản đồ địa chính năm 1993, thông báo thu hồi đất thì thấy diện tích đất

thực tế ông Tr sử dụng và Nhà nước đã thu hồi thuộc thửa số: 01, tờ bản đồ số: 08 bản đồ địa chính phường 10 lập năm 1993, nằm trong thông báo thu hồi đất, nằm trong diện tích dự kiến mở rộng đường (sơ đồ vị trí ngày 25-12-1989) là sát mép đường 51A và 51B nay là Đường 30/4 và đường B. Diện tích là 451,3 m².

Do đó phần đất thu hồi thực tế của hộ ông Tr sử dụng là từ mép đường quốc lộ 51A, 51B cũ là 451,3 m². Diện tích này là một phần trong tổng diện tích 05 Mẫu, 46 Sào, 72 Thước vuông do cha mẹ ông Tr khai phá và sử dụng ổn định từ trước năm 1971.

Do vậy UBND TP. V chỉ ban hành quyết định thu hồi diện tích 76m² là không đúng với thực tế diện tích ông Tr sử dụng và bị thu hồi. Nên đề nghị UBND TP. V ban hành quyết định thu hồi bổ sung diện tích đúng với thực tế là 451,3m².

- Về nguồn gốc đất ông Tr yêu cầu bồi thường:

Diện tích đất Nhà nước thu hồi này là một phần trong tổng diện tích 05 Mẫu, 46 Sào, 72 Thước vuông do cha mẹ ông Tr khai phá và sử dụng ổn định từ trước năm 1971. Đến ngày 15-01-1971 thì lập thủ tục đo vẽ và đã được Trường ty Địa điền xác nhận.

Năm 1976 cha ông Tr đăng ký và được Phòng quản lý nhà đất cấp giấy xác nhận đã đăng ký số 240/PQLNĐ ngày 26/02/1976. Tiếp đến năm 1981 UBND phường T1 cấp giấy xác nhận đã đăng ký đất số 64.

Năm 1989 ông Ngh (cha ông Tr) làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất cho các con. Ông Tr được nhận phần đất tiếp giáp quốc lộ 51A và 51B.

Năm 1994, UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu thu hồi 63.213m² làm khu phố chợ phường 10. Theo bản vẽ diện tích đất thu hồi thì diện tích đất ông Tr còn lại, tính từ mép quốc lộ 51A tới diện tích thu hồi dài: 41,50m.

Trên diện tích này ông Tr đã làm nhà ở từ năm 1997 (Hợp đồng mua bán điện, nước, thuê nhà đất trước 01-07-2004) có đủ căn cứ để xác định diện tích đất này là đất vườn ao trong cùng thửa đất có nhà ở từ trước ngày 01-07-2004.

- Về điều kiện được đền bù:

+ Ông Ngh (cha ông Tr) sử dụng diện tích đất này từ trước năm 1971, trước khi quy hoạch năm 2002, thể hiện:

+ Lược đồ vị trí thửa đất ký ngày 15-01-1971 của Ty Điền địa V, thể hiện diện tích sử dụng của ông Ngh (cha của ông Tr) là 5 Mẫu, 46 Sào, 72 Thước vuông. Vị trí đất là sát mép đường quốc lộ 51, nay là đường 30/4.

+ Bản đồ địa chính phường 10, lập năm 1993 (Tờ bản đồ số: 8, Thửa số: 01) thì diện tích đất ông Tr cũng có vị trí sát mép quốc lộ 51, nay là Đường 30/4 và sát mép đường 51B, nay là đường B.

+ Năm 1989 khi lập thủ tục chuyển quyền cho ông Tr. Sở Thủy sản Nông nghiệp đã trừ lộ giới quốc lộ 51A, 51B nhưng ông Tr vẫn liên tục sử dụng ổn định, không bị ai ngăn cản hay bị xử phạt vi phạm hành chính.

Ngày 11-11-1997, ông Tr được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại thời điểm cấp giấy, diện tích đất thu hồi không được cấp giấy với lý do Nhà nước trừ ra, dự kiến để mở rộng đường 30/4, tuy nhiên ông Tr vẫn sử dụng liên tục đến nay.

Đến năm 2002 UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu mới ban hành Quyết định số 9399/QĐ-UB ngày 25-11-2002 về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 khu dân cư Bắc sân bay. Theo họa đồ, mặt cắt kèm theo, thì thể hiện lòng, lề Đường 30/4 có lộ giới là 24m; chỉ giới xây dựng là 36m.

Như vậy diện tích 451,3m² Nhà nước thu hồi tuy không đăng ký trong diện tích đăng ký năm 1993, cấp giấy năm 1997 nhưng có nguồn gốc cha mẹ ông khai phá, sử dụng ổn định từ trước năm 1971 và liên tục sử dụng từ đó đến nay. Có đăng ký năm 1976, 1981 và làm nghĩa vụ thuế với Nhà nước.

Căn cứ Khoản 1 Điều 75, Khoản 1 Điều 100 Luật Đất đai 2013; Khoản 16 Điều 02 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP Khoản 2 Điều 12 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP thì ông Tr có đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận QSD đất và cũng có đủ điều kiện được bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi.

- Về cơ sở yêu cầu bồi thường đất ở:

+ Diện tích đất thu hồi, thuộc thửa đất vườn ao, có nhà ở trước ngày 01-07-2004 (Hợp đồng mua bán điện ngày 28-07-1997)

+ Người sử dụng đất có một trong những giấy tờ thuộc Khoản 1 Điều 100 Luật đất đai năm 2013. Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, Khoản 16 Điều 02 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP (giấy xác nhận đã đăng ký đất năm 1976, 1981)

+ Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận cho ông Tr năm 1997, UBND tỉnh chưa xác định đất ở theo Điều 103 Luật đất đai năm 2013. Ông Tr chưa chuyển mục đích theo điểm b khoản 1 Điều 45 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP.

Vì vậy, theo điểm b khoản 5 Điều 24 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, thì khi Nhà nước thu hồi, diện tích đất của ông Tr phải được xác định lại là đất ở theo Quyết định số 51/2014/QĐ-UBND ngày 29-10-2014 của UBND Tỉnh. Tối đa là 450m² đất ở.

Từ những căn cứ nêu trên, ông Tr khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 1687, hủy Quyết định số 350.

- Buộc UBND thành phố V bồi thường, hỗ trợ toàn bộ diện tích đất thu hồi trên thực tế bị thu hồi là 451,3m² đất ở. Thuộc thửa số 97+97A tờ Bản đồ thu hồi đất; bồi thường toàn bộ công trình, vật kiến trúc trên đất cho hộ gia đình ông Tr theo quy định pháp luật.

** Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án Ủy ban nhân dân thành phố V, Chủ tịch UBND thành phố V và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp trình bày:*

- *Phần nhà và đất tại địa chỉ số 568, đường 30/4, phường R, thành phố V có nguồn gốc:* Do ông Nguyễn Văn Ngh tự khai phá năm 1958 và sử dụng đến ngày 25-12-1989, ông Ngh được Sở Thủy sản Nông nghiệp xác nhận sơ đồ vị trí với diện tích 9.220m^2 đất gồm các thửa $A = 3.400\text{m}^2$, $B = 2.000\text{m}^2$, $C = 3.820\text{m}^2$. Cùng ngày 25-12-1989, ông Nguyễn Hiếu Tr có đơn xin đất sử dụng được Sở Thủy sản Nông nghiệp xác nhận với diện tích 3.400m^2 đất thuộc thửa A nói trên. Đối chiếu bản đồ giải thửa năm 1993 thì thửa A nói trên gồm thửa 01, tờ bản đồ số 08 do ông Nguyễn Văn Ngh đứng tên kê khai đăng ký diện tích 1.648m^2 và thửa 02, tờ bản đồ số 08 do ông Nguyễn Hiếu Tr đứng tên kê khai diện tích 2.658m^2 . Ông Tr sử dụng đến năm 1994 thì cơ quan có thẩm quyền đã thu hồi và bồi thường diện tích 3.650m^2 (bao gồm 992m^2 thuộc thửa 01 và 2.658m^2 thuộc thửa 02) để xây dựng công trình Chợ và Khu phố Chợ phường 10.

Ngày 11-11-1997, ông Nguyễn Hiếu Tr được UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (*GCNQSD đất*) số H 240609 với diện tích 544m^2 đất nông nghiệp thuộc thửa 01, tờ bản đồ số 08 (lý do: tại đơn xin đăng ký ruộng đất của ông Nguyễn Hiếu Tr ngày 31/3/1993 do ông Nguyễn Văn Ngh ký thay thể hiện diện tích đăng ký là 544m^2 đất còn lại của thửa đất 01, tờ 08, sau khi trừ diện tích 112m^2 đất làm Quốc lộ 51B và 3.650m^2 đất thu hồi làm Chợ và Khu phố Chợ).

Ngày 07-4-2017, UBND thành phố V ban hành Quyết định số 1687/QĐ-UBND thu hồi đất và phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Tr thuộc công trình: Cải tạo, nâng cấp Đường 30/4 đoạn từ Ngã 3 C đến E - thành phố V; không bồi thường về đất và vật kiến trúc trên đất, bồi thường hoa màu, tổng số tiền bồi thường hỗ trợ là 776.500 đồng.

- *Về nội dung ông Nguyễn Hiếu Tr yêu cầu thu hồi, bồi thường bổ sung diện tích $188,0\text{m}^2$ theo giá đất ở:*

Ngày 11-10-2017, Thanh tra thành phố V phối hợp với Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai TP. V, Trung tâm Phát triển quỹ đất và UBND phường R tiến hành lập biên bản kiểm tra tại địa chỉ số nhà 568 đường 30/4, phường R, thành phố V, xác định ông Tr chưa bàn giao mặt bằng cho chủ đầu tư để thi công phần đường nhựa và vỉa hè, trên phần diện tích đất ông Tr cho rằng Nhà nước thu hồi có 2 phần, gồm phần 1 giáp với Đường 30/4 hiện là nền xi măng, mái che tôn, sân bê tông; phần 2 giáp với đường B ông Tr cho Công ty Honda Nghĩa thuê được lát gạch đá rửa, phía ngoài lát gạch con sâu; 2 mặt tiếp giáp còn lại vẫn giữ nguyên hiện trạng sử dụng đất như trước đây.

Sơ đồ vị trí thửa đất Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố V lập ngày 03/11/2017, thể hiện: Tổng diện tích đo theo hiện trạng do ông Nguyễn Hiếu Tr chỉ ranh nay thuộc các lô $A + B + C + D + E + F + G = 1.158,2\text{m}^2$, cụ thể: các lô $B + C + D + E + F + G = 451,3\text{m}^2$ nằm trong Thông báo thu hồi đất (lô B = $70,8\text{m}^2$ hiện là đường giao thông, lô C = $76,7\text{m}^2$ hiện tại là vỉa hè, lô D =

21,9m² hiện là nhà hiện hữu, lô E = 37,9m² hiện là nền xi măng, lô F = 67,7m² hiện là nền đất và lô G = 176,3m² hiện là sân gạch con sâu); lô A = 706,9m² nằm ngoài Thông báo thu hồi đất.

Ngày 14-11-2017, UBND phường R có Văn bản số 1893/BC- UBND, xác định:

+ Phần diện tích đất hiện nay ông Tr đang sử dụng được thể hiện tại Bản đồ được sở Tài nguyên và Môi trường trình duyệt năm 2004 là 773,3m², tăng 229,3m².

+ Phần diện tích đất thu hồi thuộc công trình Đường 30/4 theo Bản đồ thu hồi đất là 76m², gồm 39,1m² đất phía tiếp giáp với đường B và 36,9m² đất tiếp giáp với đường 30/4. Phần diện tích đất trên nằm ngoài diện tích 544m² đất đã được cấp GCNQSD đất số H 240609. Lý do: diện tích cấp giấy là 544m², phần diện tích đất cấp giấy trên bằng diện tích đăng ký năm 1993 trừ đi phần diện tích đã thu hồi làm Khu phố Chợ và đường 51B (thể hiện tại đơn đăng ký quyền sử dụng ruộng đất của ông Tr ngày 31/3/1993).

+ Qua đối chiếu tại bản đồ giải thửa và sổ Mục kê năm 1993 thể hiện ông Nguyễn Văn Ngh đứng tên thửa 01, tờ bản đồ số 08, diện tích 1.648m² loại đất Hg, ông Nguyễn Hiếu Tr đứng tên thửa 02, tờ bản đồ số 08, diện tích 2.658m² loại đất Hg.

+ Qua đối chiếu sổ đăng ký thể hiện: ông Nguyễn Hiếu Tr đứng tên thửa 01 + 02, tờ bản đồ số 08, diện tích 1.648m² + 2.658m² loại đất Hg quyền số 04, trang 60, số thứ tự 3104. Sau đó cập nhật (chữ viết mực đỏ thể hiện quy hoạch Chợ) diện tích còn lại 544m².

Ngày 21-12-2017, Thanh tra Thành phố tổ chức cuộc họp để giải quyết nội dung khiếu nại của ông Tr gồm đại diện: Phòng Tài nguyên và Môi trường, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai, Trung tâm Phát triển quỹ đất và UBND phường R. Cuộc họp xác định: Theo đơn phần diện tích đất ông Tr đề nghị thu hồi, bồi thường bổ sung là 188m², trong đó có 76m² đã có Quyết định thu hồi, nay xác định toàn bộ diện tích đất ông Tr yêu cầu thu hồi, bồi thường bổ sung nằm ngoài diện tích 544m² ông Tr đã được cấp giấy chứng nhận, nằm ngoài diện tích kê khai đăng ký năm 1993 (1.648 + 2.658 = 4.306m²). Sau khi thu hồi đất để làm Chợ và Khu phố Chợ phường 10 thì diện tích còn lại là 656m² {4.306 - (992 + 2.658) = 656m²}. Hiện nay, trên thực tế sau thu hồi đất thuộc công trình đường 30/4, hộ ông Tr còn sử dụng diện tích là 706,9m² (lớn hơn diện tích kê khai đăng ký còn lại sau thu hồi). Do đó, việc ông Tr yêu cầu thu hồi, bồi thường bổ sung 188m² theo giá đất ở là không có cơ sở.

Căn cứ Khoản 4 Điều 82 Luật Đất đai năm 2013 quy định về trường hợp Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường về đất: “4. Trường hợp không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật này, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 77 của Luật này” thì nội dung ông Tr khiếu nại yêu cầu thu hồi,

bồi thường bổ sung diện tích 188,0m² theo giá đất ở là không có cơ sở để xem xét giải quyết.

- Về nội dung ông Nguyễn Hiếu Tr khiếu nại yêu cầu bồi thường, hỗ trợ nhà và vật kiến trúc trên đất thu hồi:

Căn cứ Khoản 2 Điều 92 Luật Đất đai 2013 quy định về Trường hợp Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường tài sản gắn liền với đất: “2. Tài sản gắn liền với đất được tạo lập trái quy định của pháp luật hoặc tạo lập từ sau khi có thông báo thu hồi đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền” thì diện tích nhà, vật kiến trúc do ông Tr xây dựng không phép trên diện tích đất không đủ điều kiện bồi thường nên việc ông Tr yêu cầu bồi thường, hỗ trợ nhà và vật kiến trúc trên đất thu hồi là không có cơ sở để xem xét.

Ủy ban nhân dân thành phố V có quan điểm giải quyết như trên để Tòa án xem xét giải quyết theo thẩm quyền.

** Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án - người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Thùy L trình bày:* Vì lý do sức khỏe và công việc, bà L không thể tham gia phiên tòa và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà L tại tất cả các phiên tòa; bà L không có ý kiến nào khác.

** Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 25/2020/HC-ST ngày 25 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, quyết định:*

Căn cứ: Khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính;

Áp dụng: Khoản 1 Điều 75, điểm a khoản 1 Điều 100, Điểm a khoản 4 Điều 103 Luật Đất đai 2013; Khoản 6 Điều 18, khoản 2 Điều 20, điểm b khoản 5 Điều 24 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; Khoản 2 Điều 12, khoản 1 Điều 13 Nghị định số 47/2014 ngày 15-5-2014 của Chính phủ; Điểm d khoản 16 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06-01-2017; Điểm a khoản 4 Điều 2 Quyết định số 51/2014/QĐ-UBND ngày 29-10-2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hiếu Tr:

- Hủy phần diện tích đất thu hồi và mục A, C và D tại Điều 1 của Quyết định số 1687/QĐ-UBND ngày 07-4-2017 của Ủy ban nhân dân thành phố V về việc thu hồi đất và phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho ông (bà) Nguyễn Hiếu Tr, địa chỉ 568 Đường 30/4 phường R, thành phố V thuộc công trình Cải tạo, nâng cấp đường 30/4, thành phố V; hủy Quyết định số 350/QĐ-UBND ngày 23-01-2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Nguyễn Hiếu Tr, địa chỉ 568 Đường 30/4 phường R, thành phố V.

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố V ban hành quyết định thu hồi, bồi thường, hỗ trợ diện tích đất 380,5m² (Trong đó 250m² đất ở và 130,5m² đất nông nghiệp) cho ông Nguyễn Hiếu Tr (Diện tích các lô C+D+E+F+G nằm trong thông báo thu hồi đất thuộc Công trình dự án Cải tạo nâng cấp đường 30 tháng 4 thành phố V) theo Sơ đồ vị trí thửa đất được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố V lập ngày 03-11-2017, đất tại phường R, thành phố V; Buộc Ủy ban nhân dân thành phố V bồi thường công trình, vật kiến trúc trên đất cho hộ ông Nguyễn Hiếu Tr theo quy định của pháp luật.

(Kèm theo Bản án sơ thẩm là Sơ đồ vị trí thửa đất được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố V lập ngày 03-11-2017).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 15/7/2020, người bị kiện có đơn kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao phát biểu quan điểm như sau:*

Ủy ban nhân dân Thành phố V cho rằng diện tích đất thu hồi không thuộc diện tích đất của ông Ngh đã cho ông Tr là không đúng. Bởi vì theo các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ đã thu thập thì đây là diện tích đất ông Tr được ông Ngh là cha đã cho và trực tiếp quản lý, sử dụng từ trước tới nay.

Phía người bị kiện không đưa ra được chứng cứ, tài liệu để chứng minh cho quan điểm của mình, vì vậy không có cơ sở để chấp nhận. Án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện là có căn cứ và đúng pháp luật.

Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

** Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:*

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm tuyên chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hiếu Tr và xác định diện tích đất mà Ủy ban nhân dân TP. V phải bồi thường cho ông Tr 380,5m² đất là vượt quá thẩm quyền của Hội đồng xét xử theo quy định tại Điều 193 Luật Tố tụng hành chính, bởi lẽ: Ông Nguyễn Hiếu Tr khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 1687/QĐ-UBND ngày 07-4-2017 của Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố V về việc thu hồi đất và phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn Hiếu Tr (gọi tắt là *Quyết định số 1687*); Quyết định số 350/QĐ-UBND ngày 23-01-2018 của Chủ tịch UBND thành phố V về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Nguyễn Hiếu Tr (gọi tắt là *Quyết định số 350*) vì cho rằng, việc UBND Thành phố V ban hành quyết định thu hồi nhưng không bồi thường là không đúng quy định của pháp luật.

Như vậy, ở trường hợp này, nếu có đủ căn cứ kết luận việc ban hành các quyết định nêu trên là trái pháp luật thì Tòa án quyết định hủy các Quyết định bị

kiện, buộc Ủy ban nhân dân TP. V và Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. V giải quyết lại việc khiếu nại và xem xét giải quyết việc bồi thường, hỗ trợ cho ông Tr theo quy định của pháp luật.

Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy và đình chỉ giải quyết một phần quyết định của bản án sơ thẩm về nội dung này.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về nguồn gốc đất:

Theo tờ “Lược đồ vị trí” đất do Ty Địa chính V lập, ký xác nhận ngày 15-01-1971 với vùng đất chưa có bản đồ giải thửa, thể hiện đất của ông Nguyễn Văn Ngh (là cha của ông Tr) có tổng diện tích 05 Mẫu, 46 Sào, 72 Thước vuông, đất có vị trí sát mép đường quốc lộ số 15 (sau này là Quốc lộ 51, Đường 30/4 thành phố V), thời điểm này chưa có quốc lộ 51B (sau này mới mở đường - có tên là đường B).

Tại Hồ sơ do UBND phường R cung cấp có Đơn xin sử dụng đất của ông Nguyễn Hiếu Tr thể hiện diện tích đất do ông Ngh cho con là Nguyễn Hiếu Tr 3.400m² được Sở Thủy sản Nông nghiệp xác nhận ngày 25-02-1989 có nội dung “*Đất do ông Nguyễn Văn Ngh khai thác sử dụng, có Lược đồ vị trí lập năm 1971 và Đăng ký đất 1989 tại UBND phường T1, nay ông Ngh chuyển quyền sử dụng cho con*”.

Như vậy khẳng định đất ông Tr đang sử dụng có nguồn gốc do cha là ông Ngh để lại thuộc phần đất tại tờ “Lược đồ vị trí” đất do Ty Địa chính V lập, ký xác nhận ngày 15-01-1971.

[2.2] Quá trình sử dụng đất của ông Nguyễn Hiếu Tr:

Ông Tr được cha là ông Ngh cho đất vào năm 1989 sử dụng liên tục và đóng thuế đất từ năm 1989.

Tại hai sổ là Sổ Đăng ký đất và Sổ Mục kê ruộng đất cùng năm 1993 ông Tr đăng ký tại tờ Bản đồ số 8 phường 10 với thửa 01 diện tích 1.648m², thửa 02 diện tích 2.658m², tổng diện tích là 4.306m². Phần đất này giáp mặt tiền Quốc lộ 51 và giáp mặt tiền Quốc lộ 51B. Gia đình ông Ngh, sau này là gia đình ông Tr sử dụng ổn định đã xây dựng các công trình trên đất.

Tại Quyết định số 1687 thu hồi các công trình, vật kiến trúc trên đất của ông Tr gồm:

- + Nhà cấp 4A3 diện tích: 98,1m²
- + Nhà xưởng cấp III diện tích: 72,03m²
- + Nền xi măng diện tích: 15m²+11,55m²
- + Nền Bê tông diện tích: 80,08m²
- + Sân xi măng diện tích: 26,25m²
- + Sân gạch bông diện tích: 9m²

- + Sân gạch: 77,29m²
- + Sân Bê tông diện tích: 46,66m².
- + Tường gạch 4m²

Như vậy tổng diện tích đất đã xây dựng bị thu hồi là 435,96m².

Phần đất 435,96m² gia đình ông Tr đang sử dụng có tài sản xây dựng trên đất bị thu hồi, UBND thành phố V không cung cấp được biên bản vi phạm hành chính hoặc quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong việc sử dụng đất hoặc xây dựng, tạo lập tài sản trên đất.

[2.3] Về phần đất Nhà nước thu hồi của ông Nguyễn Hiếu Tr trước khi có Quyết định số 1687 (Thu hồi để mở rộng Quốc lộ 51 và 51B):

Theo bản vẽ diện tích đất thu hồi làm khu phố Chợ phường 10 ngày 02-11-1993 thì phần đất ông Tr còn lại, tính từ mép quốc lộ 51A tới diện tích thu hồi làm khu phố chợ dài: 41,5m. Như vậy, diện tích đất thu hồi để nâng cấp mở rộng Đường 30/4 và đường B không thuộc diện tích đất đã thu hồi và bồi thường Khu phố chợ phường 10 năm 1994.

[2.4] Tại Công văn số 1270/UBND ngày 23-10-2019 thì UBND phường R cho biết UBND phường R không tìm thấy Hồ sơ đền bù khi xây dựng chợ Phường 10 và Hồ sơ đền bù về đất khi làm Quốc Lộ 51B.

Theo đề nghị của UBND thành phố V tại Công văn số 2715/UBND-TNMT ngày 05-5-2020, Tòa án đã ban hành quyết định yêu cầu Sở giao thông vận tải tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cung cấp chứng cứ hồ đền bù về đất khi làm Quốc lộ 51B (với phần đất ông Tr và ông Ngh) nhưng Sở giao thông vận tải tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cũng không cung cấp được.

Đối với Quốc Lộ 51 không có hồ sơ thu hồi, bồi thường đất của ông Tr (hoặc của cha ông Tr là ông Ngh).

[2.5] Tại Quyết định số 1687 cho rằng phần đất thu hồi của ông Nguyễn Hiếu Tr không bồi thường 76m² do đã bồi thường chợ Phường 10 và đền bù về đất khi làm Quốc Lộ 51B; Như phân tích ở trên thì phía bị kiện đã không cung cấp được tài liệu chứng minh rằng đã có bồi thường về đất cho hộ ông Nguyễn Hiếu Tr ở phần đất 76m².

[2.6] Tại Quyết định số 1687 không bồi thường tài sản trên tổng diện tích đất xây dựng là 435,96m² với lý do đất do Nhà nước quản lý. Tuy nhiên từ khi thụ lý vụ án tháng 01 năm 2019 đến ngày xét xử sơ thẩm là 01 năm 6 tháng và cho đến phiên tòa phúc thẩm, mặc dù Tòa án cấp sơ thẩm đã ban hành nhiều văn bản và quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ, nhưng UBND thành phố V vẫn không cung cấp được hồ sơ pháp lý về cơ quan Nhà nước trực tiếp quản lý sử dụng diện tích đất 435,96m². Người bị kiện căn cứ Bản đồ địa chính phường R được phê duyệt ngày 09-11-2004 (Sau thời điểm gia đình ông Ngh sử dụng đất năm 1971 là 33 năm và ông Tr sử dụng đất từ năm 1989 là 15 năm). Phần đất của gia đình ông Tr đang sử dụng, nhưng Nhà nước tự trừ quy hoạch mở rộng đường giao thông và cho rằng đất của Nhà nước là không có căn cứ pháp lý.

[2.7] Từ phân tích ở trên cho thấy: đất ông Tr bị thu hồi có nguồn gốc của ông Ngh (Cha ông Tr) khai phá trước năm 1971, có mặt tiền giáp quốc lộ 15 (nay là đường 30/4), đến năm 1989 cho con là Nguyễn Hiếu Tr, gia đình ông Tr sử dụng ổn định từ năm 1989 có mặt tiền giáp Đường 30/4 TP Vũng Tàu, quá trình sử dụng ổn định, không bị các cơ quan Nhà nước xử phạt về lấn chiếm đất Nhà nước quản lý.

Đến ngày 25-11-2002 UBND tỉnh BR-VT mới có Quyết định 9399/QĐ-UBND về phê duyệt chi tiết tỉ lệ 1/2000 khu dân cư bắc sân bay TP Vũng Tàu, theo đó mới qui hoạch lòng, lề đường 30/4; như vậy việc qui hoạch có sau thời điểm gia đình ông Tr sử dụng đất là 31 năm.

Gia đình ông Ngh có “Lược đồ vị trí” đất do Ty Địa dư V lập, ký xác nhận ngày 15-01-1971. Ông Ngh đã kê khai đất tại “Giấy xác nhận đã đăng ký đất” được UBND phường T1 xác nhận số 240A ngày 26-02-1976 và “Giấy xác nhận đã đăng ký đất” đã được UBND phường T1 xác nhận số 64 ngày 23-10-1992 diện tích 54.672m² hiện trạng đất “*Trồng cây ăn trái, nuôi cá và cất nhà ở*”; ông Tr được Sở Thủy sản Nông nghiệp xác nhận ngày 25-02-1989 cho phép sử dụng diện tích là 3.400m²; ông Tr có tên trong hai sổ là Sổ Đăng ký đất và Sổ Mục kê ruộng đất cùng năm 1993, ông Tr đăng ký tại tờ Bản đồ số 8, Phường 10 với thửa 01 diện tích 1.648m², thửa 02 diện tích 2.658m², tổng diện tích là 4.306m²; đây là các giấy tờ quy định tại điểm a và c khoản 1 Điều 100 Luật Đất đai 2013; khoản 6 Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; điểm d khoản 16 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP, nên ông Tr đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Việc xác định quá trình sử dụng và kê khai đất của ông Tr phải được tính liên tục từ khi ông Ngh sử dụng đất từ năm 1971, chứ không tách riêng từ khi ông Tr được ông Ngh cho đất, vì gia đình ông Ngh và ông Tr là cha con đã sử dụng liên tục, ổn định trong thời gian dài.

Kể từ thời điểm ông Tr được Sở Thủy sản Nông nghiệp xác nhận ngày 25-02-1989 cho phép sử dụng diện tích là 3.400m², thì phần đất ông Ngh cho con (ông Tr) đã bị trừ dự kiến làm đường nên không được cơ quan Nhà nước xác nhận, nhưng thực tế gia đình ông Tr sử dụng đất ổn định từ năm 1989 giáp đường 30/4 đến nay, không tranh chấp, không bị cơ quan nào xử phạt vi phạm đất đai, căn cứ khoản 2 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP thì ông Tr cũng đủ điều kiện để cấp giấy CNQSD đất, nên căn cứ khoản 1 Điều 75 Luật Đất đai 2013 ông Tr đủ điều kiện được bồi thường về đất khi bị thu hồi.

Ngày 11-11-1997 ông Tr được cấp giấy CNQSD đất số H 240609 diện tích 544m² đất nông nghiệp, vị trí cấp giấy CNQSD đất không sát mép Đường 30/4 (giáp diện tích trừ mở rộng đường), là không đúng nguồn gốc và thực tế sử dụng đất của ông Tr.

Quyết định số 1687 thu hồi của ông Tr tổng diện tích đất có công trình, vật kiến trúc trên đất thực tế là 435,96m², nhưng khi đo lại phần diện tích ngoài Thông báo thu hồi đất vẫn còn 706,9m² theo Sơ đồ vị trí thửa đất được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố V lập ngày 03-11-2017, do đó Bản

đồ địa chính và thực tế sử dụng đất của ông Tr có sự chênh lệch rất lớn về diện tích.

[3] Ông Tr yêu cầu bồi thường diện tích bị thu hồi $451,3m^2$:

Trong quá trình tố tụng tại Tòa án cũng như tại phiên tòa, người khởi kiện, đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện xác định diện tích đất thực tế đã thu hồi, nhưng chưa được bồi thường là $451,3m^2$.

Người bị kiện cho rằng diện tích bị thu hồi là $76m^2$, nhưng mâu thuẫn với chính phần C mục 2 Điều 1 Quyết định số 1687 thì tổng diện tích đất có công trình, vật kiến trúc đã xây dựng bị thu hồi là $435,96m^2$.

- Căn cứ Bản vẽ nhà xin chủ quyền của ông Ngh ngày 26-11-1992 do Phòng quản lý đô thị thành phố V cung cấp thì Quốc lộ 51A rộng 13m.

- Căn cứ Sơ đồ vị trí thửa đất được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố V lập ngày 03-11-2017 theo giấy mời của Thanh tra thành phố V thì *“Diện tích các lô B+C+D+E+F+G = $451,3m^2$ nằm trong thông báo thu hồi thuộc Công trình dự án Cải tạo nâng cấp đường 30 tháng 4 ...”*, trong đó lô B diện tích $70,8m^2$ hiện trạng là đường, do đó phần đất này không được công nhận, vì đã thi công đường cho một dự án trước đây.

Như vậy, diện tích đất ông Tr bị thu hồi được tính hợp pháp là $451,3m^2 - 70,8m^2 = 380,5m^2$. (Ít hơn tổng diện tích đất đã xây dựng bị thu hồi tại Quyết định số 1687 là : $435,96m^2 - 380,5m^2 = 55,46m^2$).

- Căn cứ khoản 2 Điều 12, khoản 1 Điều 13 Nghị định số 47/2014 của Chính phủ; khoản 1 Điều 75, Luật đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 20 Nghị định số 43/2014 của Chính phủ. Văn bản số 4253/CTNMT-CCQLĐĐ ngày 20-11-2015 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, có nội dung: *Những diện tích đất khi đo vẽ để làm thủ tục về quyền sử dụng đất, cơ quan địa chính các cấp đã trừ phần diện tích nằm trong quy hoạch mở rộng lộ giới nay Nhà nước thu hồi để xây dựng công trình thì được xem xét đền bù...*

Như vậy, trường hợp của ông Tr đủ điều kiện được bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất $380,5m^2$.

[4] Về yêu cầu đền bù đất ở:

Diện tích đất bị thu hồi, là một phần trong tổng diện tích $54.672m^2$ đất vườn ao (Trong cùng thửa đất có nhà ở của ông Ngh) được hình thành trước ngày 15-10-1993 (“Giấy xác nhận đã đăng ký đất” được UBND phường T1 xác nhận số 64 ngày 23-10-1992 diện tích $54.672m^2$ hiện trạng đất *“Trồng cây ăn trái, nuôi cá và cất nhà ở”*). Ông Tr có nhà ở trên đất từ năm 1997, có Hợp đồng mua bán điện sinh hoạt số 3170 ngày 28-7-1997 và Hợp đồng cung cấp và tiêu thụ nước máy ngày 12-7-1997.

Tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận lần đầu năm 1997 là đất nông nghiệp, ông Tr (ông Ngh) có giấy tờ quy định tại điểm a và c khoản 1 Điều 100 Luật Đất đai 2013; khoản 6 Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; điểm d khoản 16 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP, nhưng hiện nay toàn bộ thửa đất chưa được xác

định đất ở theo qui định tại khoản 4 Điều 103 Luật Đất đai 2013.

Căn cứ điểm b khoản 5 Điều 24 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP khi Nhà nước thu hồi đất, thì diện tích đất ở của ông Tr được xác định lại theo khoản 4 Điều 103 của Luật Đất đai năm 2013; điểm a khoản 4 Điều 2 Quyết định số 51/2014/QĐ-UBND ngày 29-10-2014 của UBND tỉnh BR-VT đất ở được xác định: “a) Các phường thuộc thành phố V: 50 m²/1 nhân khẩu trong một hộ; diện tích đất vườn ao được công nhận là đất ở tối thiểu là 230 m²/1 hộ và tối đa là 450 m²/1 hộ”.

Hộ ông Tr có hai vợ chồng và 03 người con, tổng số là 5 người; như vậy diện tích đất ở tối đa là 250m². Theo các qui định trên, thì ông Tr được đền bù, hỗ trợ 250m² đất ở, còn lại 130,5m² là đất nông nghiệp.

[5] Về yêu cầu bồi thường toàn bộ công trình, vật kiến trúc trên đất cho ông Nguyễn Hiếu Tr:

Xét thấy, đất đủ điều kiện bồi thường, tuy nhiên các công trình vật kiến trúc trên đất cần có hồ sơ pháp lý và thời điểm xây dựng, do đó ông Tr có nghĩa vụ cung cấp hồ sơ để cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giải quyết trong quá trình bồi thường, hỗ trợ theo qui định pháp luật.

[6] Từ các phân tích và nhận định trên cho thấy, việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hiếu Tr là có căn cứ. Kháng cáo của phía bị kiện về nội dung này là không có cơ sở để chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm về nội dung này.

[7] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[8] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận một phần, vì vậy phía người bị kiện không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 193 và Điều 241 Luật tổ tụng hành chính;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố V. Hủy và đình chỉ giải quyết một phần quyết định của Bản án sơ thẩm số 25/2020/HC-ST ngày 25/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 75, điểm a khoản 1 Điều 100, điểm a khoản 4 Điều 103 Luật Đất đai 2013; khoản 6 Điều 18, khoản 2 Điều 20, điểm b khoản 5 Điều 24 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; khoản 2 Điều 12, khoản 1 Điều 13 Nghị định số 47/2014 ngày 15-5-2014 của Chính phủ; điểm d khoản 16 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06-01-2017; điểm a khoản 4 Điều 2 Quyết định số 51/2014/QĐ-UBND ngày 29-10-2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hiếu Tr:

- Hủy phần diện tích đất thu hồi và mục A, C và D tại Điều 1 của Quyết định số 1687/QĐ-UBND ngày 07-4-2017 của Ủy ban nhân dân thành phố V về việc thu hồi đất và phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho ông (bà) Nguyễn Hiếu Tr, địa chỉ 568 Đường 30/4 phường R, thành phố V thuộc công trình Cải tạo, nâng cấp đường 30/4, thành phố V; hủy Quyết định số 350/QĐ-UBND ngày 23-01-2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Nguyễn Hiếu Tr, địa chỉ 568 Đường 30/4 phường R, thành phố V.

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố V xem xét giải quyết việc bồi thường, hỗ trợ về đất khi thu hồi và giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Hiếu Tr theo đúng quy định của pháp luật.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. V không phải chịu án phí phúc thẩm, hoàn trả 300.000 đồng cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. V theo biên lai thu số 0006984 ngày 24/7/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3. Các quyết định khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thành Văn

Hoàng Minh Thịnh

Phạm Công Mười